

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 79/2019/QĐST-HNGĐ.

K, ngày 03 tháng 04 năm 2019.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị D.T.B.T, sinh năm 1989, địa chỉ: Số 932 (cũ 41) P.Đ.P, phường Q, thành phố K, tỉnh K.

- *Bị đơn*: Anh L.K.H, sinh năm 1986, địa chỉ: 375 (số cũ: 225A) P, phường Q, thành phố K, tỉnh K.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 03 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 03 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị D.T.B.T và anh L.K.H.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D.T.B.T tự nguyện thỏa thuận tình ly hôn với anh L.K.H.

- Về con chung: Anh L.K.H tự nguyện thỏa thuận giao con chung là cháu Q, sinh ngày 25/12/2014 cho chị D.T.B.T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được.

Chị D.T.B.T tự nguyện thỏa thuận anh L.K.H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh L.K.H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chị D.T.B.T đồng ý chịu toàn bộ 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Do vậy, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Trâm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001012 ngày 22/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố K. Hoàn trả chị Trâm 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh K;
- VKSND TP K;
- Chi cục THADS.TP K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ .

THẨM PHÁN

Đỗ Văn Toàn

